BỘ LAO ĐỘNG TB & XÃ HỘI
TRƯỜNG CĐN BÁCH KHOA HÀ NỘI

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20161
Lớp CĐN 07 Mã lớp học 13,071 Lý thuyết

Môn học: MH05 Anh văn 1 — **Giáo viên:** Trần Thị Tuất

Số đơn vị học trình: 4 — **Ngày thi** 18/01/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD160486	Phạm Văn An	11/09/1998	6		An	
2	CD160558	Bùi Quang Anh	18/11/1998	7		Anh	
3	CD160519	Mai Tiến Anh	06/09/1998	6		Anh	
4	CD160531	Nguyễn Tuấn Anh	04/02/1998	7		Anh	
5	CD160522	Phạm Văn Anh	06/01/1998	7		Anh	
6	CD160490	Trần Tuấn Anh	24/07/1998	7		T.Anh	
7	CD160493	Võ Duy Anh	04/07/1998	8		Duy Anh	
8	CD160517	Hoàng Đức Ánh	18/08/1997	7		Ánh	(+1)
9	CD160554	Hoàng Thế Chiến	31/01/1998	7		Chiến	
10	CD160553	Nguyễn Mạnh Dần	07/05/1998	6		Dần	
11	CD160520	Phùng Văn Đăng	21/08/1998	6		Đăng	
12	CD160521	Dương Văn Định	05/03/1998	7		Định	
13	CD160507	Nguyễn Hoàng Đông	08/07/1998	7		Đông	
14	CD160547	Nguyễn Thanh Đức	17/02/1998	5		Đức	
15	CD160491	Lê Anh Dũng	12/05/1997	5		Dũng	
16	CD160506	Vũ Hữu Dũng	04/08/1998	6		Dũng	
17	CD160510	Nguyễn Quang Duy	20/08/1998	6		Duy	
18	CD160482	Nguyễn Hoàng Hiệp	16/09/1998	8		Hiệp	
19	CD162466	Nguyễn Huy Hiệp	18/02/1998	6		Hiệp	
20	CD160523	Nguyễn Kim Hoàng Hiệp	12/06/1998	8		Hiệp	
21	CD160496	Trần Hoàng Hiệp	20/07/1998	7		Hiệp	
22	CD160508	Hoàng Trung Hiếu	01/09/1998	6		Hiếu	
23	CD162465	Nguyễn Trung Hiếu	28/07/1998	4		Hiếu	(-2 chuyên cần)
24	CD160550	Trần Huy Hoàng	26/11/1998	8		Hoàng	
25	CD160499	Nguyễn Hữu Huân	14/08/1997	8 VP			Vắng
26	CD162463	Ngô Bá Hùng	11/09/1997	7		Hùng	
27	CD160537	Nguyễn Văn Hưng	16/03/1998	7		Hưng	
28	CD160514	Trịnh Xuân Hưng	01/01/1997	8 7 VP		Hưng	
29	CD160541	Đỗ Viết Huy	03/05/1998	7		Huy	
30	CD162464	Nguyễn Đức Huy	18/05/1996	8 8 VP		Huy	
31	CD162462	Nguyễn Quốc Khánh	17/06/1998	6		Khánh	
32	CD160492	Nguyễn Văn Khánh	12/04/1997	9		Khánh	
33	CD160543	Nguyễn Văn Khởi	12/10/1998	5		Khởi	
34	CD162468	Hoàng Thị Linh	30/12/1997	8		Linh	
35	CD160529	Nguyễn Tuyết Linh	09/08/1998	7		Linh	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD160532	Phạm Tiến Lộc	08/04/1996	7		Lộc	
37	CD160545	Tạ Đức Lộc	14/03/1998	6		Lộc	
38	CD160535	Nguyễn Ngọc Mạnh	05/06/1998	9		Mạnh	
39	CD160552	Ngô Văn Mậu	19/09/1998	5		Mậu	
40	CD160526	Đỗ Bảo Minh	10/11/1998				Vắng
41	CD160481	Nguyễn Khánh Nam	29/12/1998	6		Nam	
42	CD160530	Nguyễn Mậu Nam	28/11/1998	6		Nam	
43	CD160544	Nguyễn Trung Nghĩa	17/10/1998	7		Nghĩa	
44	CD160503	Phạm Bích Ngọc	21/01/1997	7		Ngọc	
45	CD160501	Đoàn Hải Ninh	26/06/1998	6		Ninh	
46	CD160512	Nguyễn Quang Ninh	23/04/1998	7		Ninh	
47	CD160528	Nguyễn Hữu Phong	20/09/1998	9		Phong	
48	CD160504	Nguyễn Duy Quân	07/10/1998	6		Quân	
49	CD162470	Nguyễn Trung Quân	18/06/1998	6		Quân	
50	CD160536	Trần Hồng Quân	23/04/1998	6		Quân	
51	CD160546	Nguyễn Văn Quang	15/03/1998	8		Quang	
52	CD160505	Chử Thị Tâm	20/06/1998	8		Tâm	
53	CD160509	Phạm Văn Tâm	25/05/1998	6		Tâm	
54	CD162461	Phan Văn Tâm	09/01/1997	6		Tâm	
55	CD160502	Chu Mạnh Thắng	16/10/1998	8		Thắng	
56	CD160513	Nguyễn Đức Thành	29/05/1998				Vắng
57	CD160487	Phạm Tuấn Thành	01/10/1998	6		Thành	
58	CD160539	Vũ Văn Thiên	17/10/1998	8		Thiên	
59	CD160516	Trần Khắc Thịnh	26/06/1998	8		Thịnh	
60	CD160498	Đặng Xuân Tiến	28/06/1998	6		Tiến	
61	CD160549	Hoàng Văn Toại	22/01/1998	6		Toại	
62	CD160485	Phạm Ngọc Toản	20/05/1997	8		Toản	
63	CD160524	Nguyễn Văn Triển	18/03/1998	9		Triển	
64	CD160533	Đặng Bá Trung	24/10/1998	6		Trung	
65	CD160515	Đào Quốc Trung	26/07/1998	8		Trung	
66	CD160518	Lê Văn Trung	02/11/1998				
67	CD160500	Nguyễn Anh Tú	07/09/1998	6		Tú	Vắng (+1)
68	CD160559	Phan Anh Tuấn	10/11/1998				
69	CD160489	Thiều Đình Tuấn	02/09/1997	7		Tuấn	Vắng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
70	CD160719	Trần Đức Tuấn	29/10/1998	5		Tuấn	

Tổng số sinh viên dự thi:...66..
Số sinh viên đạt:.....65.....

Tổng số tờ giấy thi:.....
Ngày giáo viên nộp điểm:.....
Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Trần Thị Tươi

CÁN BỘ COI THI 1

Trần Trọng Đạt

CÁN BỘ COI THI 2

Hoàng Thị Lan

TRƯỞNG KHOA